TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019.
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng
Bà Nguyễn Kim Phụng

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Huế
Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 115/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2019/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Văn Minh, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khóm D, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khóm D, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Minh có mặt, chị Thúy vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2019, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh Bùi Văn Minh trình bày:

Quan hệ hôn nhân: anh Minh và chị Thuý kết hôn với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/1993 tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Năm 1996, anh Minh và chị Thuý vào Đồng Tháp lập nghiệp. Thời gian đầu anh Minh và chị Thuý sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do có những bất đồng quan điểm

sống. Mặc dù anh Minh và chị Thuý đã nhiều lần tìm cách khắc phục nhưng không được, anh Minh nhận thấy mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc. Năm 2016, anh Minh nộp đơn yêu cầu Toà án thành phố Cao Lãnh giải quyết ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung. Toà án thành phố Cao Lãnh giải quyết bằng bản án sơ thẩm 32/2018/HNGĐ – ST ngày 16 tháng 5 năm 2018, sau đó anh Minh và chị Thuý cùng kháng cáo. Quyết định phúc thẩm số 26/2018/QĐPT – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm để vợ chồng thỏa thuận về vấn đề tài sản chung đến nay, anh Minh và chị Thúy không cải thiện được mâu thuẫn vợ chồng nên anh Minh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thuý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên:

1/ Bùi Văn Tuấn, sinh ngày 16/10/1993;

2/ Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003.

Bùi Văn Tuấn đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003, hiện nay đang sống với chị Thuý.

Sau khi ly hôn anh Minh đồng ý chị Thuý được trực tiếp nuôi con chung Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003, anh Minh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải, chị Thúy trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Thuý thống nhất lời trình bày của anh Minh về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/1993 tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Năm 1996, anh Minh và chị Thuý vào Đồng Tháp lập nghiệp, tuy nhiên vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Minh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị Thúy không yêu cầu xử lý hình sự đối với anh Minh. Nay chị Nguyễn Thị Thuý không đồng ý ly hôn với anh Bùi Văn Minh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên:

1/ Bùi Văn Tuấn, sinh ngày 16/10/1993;

2/ Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003.

Bùi Văn Tuấn đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003, hiện nay đang sống với chị Thuý. Chị Thuý yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003, chị Thuý không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhaän ñònh:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Bùi Văn Minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có địa chỉ tại phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị Thúy nhưng chị Thúy không có mặt tại phiên tòa. Anh Minh đồng ý việc xét xử vắng mặt chị Thúy tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: anh Minh và chị Thúy kết hôn vào năm 1993, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/3/1993 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Minh và chị Thúy là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh Minh yêu cầu được ly hôn với chị Thúy, chị Thúy không đồng ý ly hôn với anh Minh.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Minh đối với chị Thúy, Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù chị Thúy không có mặt tại phiên tòa, không trình bày được ý kiến của chị Thúy về yêu cầu của anh Minh nhưng qua lời trình bày của anh Minh và lời trình bày của chị Thúy tại phiên hòa giải đã thể hiện cuộc sống vợ chồng của anh Minh và chị Thúy đã xảy ra mâu thuẫn, anh Minh đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Thúy từ năm 2016, nhưng sau đó anh Minh rút đơn khởi kiện để vợ chồng thỏa thuận về tài sản và anh Minh và chị Thúy không còn chung sống, kinh tế độc lập và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung giữa anh Minh và chị Thúy đã không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Minh, anh Minh được ly hôn với chị Thúy.

Về con chung: Anh Minh và chị Thúy cùng thống nhất có 02 con chung tên: Bùi Văn Tuấn, sinh ngày 16/10/1993 và Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003.

Bùi Văn Tuấn đã trưởng thành, anh Minh và chị Thúy không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung tên Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003, hiện nay đang

sống với chị Thuý. Tại phiên tòa anh Minh trình bày anh Minh đồng ý việc chị Thuý trực tiếp nuôi con chung Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003. Chị Thuý không có lời trình bày tại phiên tòa nhưng lời trình bày của anh Minh phù hợp với lời trình bày của chị Thúy tại phiên hòa giải và phù hợp với nguyện vọng của con cháu Bùi Duy Tân nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc chị Thúy được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Minh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và chị Thúy cũng không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Minh và chị Thúy thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Anh Minh và chị Thúy thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Minh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Thúy không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn Minh. Anh Bùi Văn Minh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Duy Tân, sinh ngày 13/8/2003, hiện nay con chung đang sống với chị Thuý.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Minh và chị Thúy không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Anh Minh và chị Thúy thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Anh Minh và chị Thúy thống nhất không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Bùi Văn Minh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Minh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005235 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Anh Minh đã nộp xong tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Anh Bùi Văn Minh có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Mỹ Như